

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 229/TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

VKSND CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
05-06-2018
CÔNG VĂN ĐẾN
số 2571

Rút kinh nghiệm trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự

Qua công tác kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình theo thủ tục giám đốc thẩm tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 9), thấy vụ án “Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng và các tranh chấp khác” giữa nguyên đơn ông Đặng Đình T với bị đơn là bà Vương Thị K và ông Nguyễn Đắc Q, xảy ra tại tỉnh S có vi phạm cần được thông báo rút kinh nghiệm.

1. Nội dung vụ án (tóm tắt)

Năm 2006, bà Vương Thị K và con trai là ông Nguyễn Đắc Q (bà K có 09 người con) nhờ ông Đặng Đình T tiến hành các thủ tục đòi lại nhà đất tại số 446-448 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, quận M, tỉnh S. Ngày 03/01/2007, bà K, ông Q và ông T đã lập Hợp đồng hứa thưởng với nội dung trả thưởng cho ông T 15% trên tổng giá trị nhà đất mà gia đình bà K được Nhà nước giao trả khi ông T đòi được nhà đất nêu trên. Ngày 22/01/2008 và 02/7/2008, bà K, ông Q và ông T tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng và bản cam kết với nội dung tăng phần thưởng và thù lao cho ông T lên 25% và 30%. Ngày 28/11/2011 bà K, ông Q và ông T lại ký kết bản thỏa thuận hứa thưởng với nội dung cam kết trả thưởng cho ông T 35% giá trị nhà đất.

Sau khi đòi được nhà, ông T đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại và gửi thông báo đến gia đình bà K và ông Q đề nghị thanh lý hợp đồng hứa thưởng và trả thù lao cho ông T như đã cam kết nhưng không nhận được phúc đáp. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà K, ông Q thực hiện cam kết theo thỏa thuận hứa thưởng với khoản thù lao cho ông là 35% trên tổng giá trị nhà đất mà gia đình bà K được nhận tại địa chỉ nêu trên hoặc trả bằng quyền sử dụng đất tương đương 287,8m². Do vụ án có nhiều quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình giải quyết liên quan đến những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án (tranh chấp hợp đồng đặt cọc, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, tranh chấp hợp đồng thuê nhà, yêu cầu hủy bỏ văn bản kê khai di sản thừa kế, yêu cầu công nhận giấy ủy quyền...) nên ông T đề nghị Tòa án tách yêu cầu của ông để giải quyết thành một vụ án riêng.

Bị đơn bà Vương Thị K chỉ thừa nhận có ký với ông Đặng Đình T hợp đồng hứa thưởng ngày 03/01/2007 tại tỉnh S với mức thưởng là 15% giá trị nhà

đất được trả, còn các thỏa thuận sau đó về tăng mức thưởng gồm: Phụ lục hợp đồng ngày 22/01/2008, Bản cam kết ngày 02/7/2008 và Bản thỏa thuận hứa thưởng ngày 28/11/2011 do ông T xuất trình đều được lập tại Hoa Kỳ bà không ký. Ông Nguyễn Đắc Q chỉ đồng ý trả cho ông T tiền công sức dựa trên những chi phí hợp lý mà ông T chứng minh được.

2. Quá trình giải quyết vụ án (tóm tắt).

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều nhận định: Hợp đồng hứa thưởng ký kết ngày 28/11/2008 giữa ông T với bà K, ông Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có chứng nhận của Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng công tại hạt O, bang C (Hoa Kỳ). Do vậy, yêu cầu của ông T đòi bà K, ông Q trả thưởng bằng 35% giá trị QSD đất đối với phần nhà đất ông T đòi được là có căn cứ, đúng pháp luật.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2015/DS-ST ngày 03/02/2015, Tòa án nhân dân tỉnh S quyết định (tóm tắt):*

- Chấp nhận yêu cầu của các ông, bà Đặng Đình T, Nguyễn Đắc Q, Vương Thị K.

+ Công nhận thỏa thuận hứa thưởng ngày 28/11/2008 giữa ông Đặng Đình T với bà Vương Thị K và ông Nguyễn Đắc Q. Buộc bà Vương Thị K và ông Nguyễn Đắc Q phải trả cho ông Đặng Đình T số tiền 54.676.300.000 đồng.

+ Công nhận giấy ủy quyền ngày 24/4/2009 giữa ông Nguyễn Đắc Q với bà Vương Thị K. Buộc ông Đặng Đình T phải trả cho ông Nguyễn Đắc Q số tiền là 6.795.360.000 đồng. Buộc ông Đinh Thanh M phải trả cho ông Nguyễn Đắc Q số tiền là 7.625.280.000 đồng.

+ Hủy bỏ văn bản kê khai di sản thừa kế ngày 06/9/2011 tại Văn phòng công chứng Trung tâm và tờ khai nộp lệ phí trước bạ ngày 07/9/2011 đối với nhà đất tại số 446-448 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, quận M, tỉnh S.

+ Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu phải trả toàn bộ nhà, đất đang sử dụng tại 446-448 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, quận M, tỉnh S cho bà Vương Thị K và trả tiền thuê nhà cho bà Vương Thị K là: 4.250.000.000 đồng.

- Giải quyết các quan hệ tranh chấp khác

- Duy trì một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 130/2011/QĐ-BPKCTT ngày 04/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh S đối với phần nhà đất Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu đang sử dụng cho đến khi thi hành án xong thì hủy bỏ.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 128/2011/QĐ-BPBD ngày 02/11/2011 của TAND tỉnh S.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/02/2015, nguyên đơn bà Vương Thị K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. VKSND tỉnh S có Quyết định kháng nghị số 17/QĐKNPT-DS ngày 14/02/2015 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

*** Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 87/2016/DS-PT ngày 06/5/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố H quyết định (tóm tắt):**

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh S. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Đình T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về phần hứa thưởng. Hủy những quan hệ pháp luật còn lại để giao về cho TAND tỉnh S điều tra xét xử lại.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hứa thưởng, cụ thể:

+ Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình T.

+ Công nhận thỏa thuận hứa thưởng ngày 28/11/2008 giữa ông Đặng Đình T với bà Vương Thị K và ông Nguyễn Đắc Q, buộc bà K và ông Q phải trả cho ông Đặng Đình T số tiền 54.676.300.000 đồng.

- Duy trì một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 130/2011/QĐ-BPKCTT ngày 04/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh S đối với phần nhà đất Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu đang sử dụng cho đến khi thi hành án xong thì hủy bỏ.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 128/2011/QĐ-BPBD ngày 02/11/2011 của TAND tỉnh S.

- Hủy bản án sơ thẩm về các quan hệ pháp luật (yêu cầu công nhận giấy ủy quyền, trả lại tiền đặt cọc, hủy bỏ văn bản kê khai di sản thừa kế, trả tiền thuê nhà...).

Sau khi xét xử phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu có đơn đề nghị kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên đã bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 35/2017/DS-GĐT ngày 07/9/2017, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hủy bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh S giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật với nhận định: *(tóm tắt quyết định giám đốc thẩm)*

Ngoài Hợp đồng hứa thưởng ngày 03/01/2007 được ký tại tỉnh S (Việt Nam), các bản cam kết, phụ lục hợp đồng và thỏa thuận hứa thưởng sau đó đều

được lập tại Hoa Kỳ và không được hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan có thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét, xác định có đúng bà K, ông Q ký các thỏa thuận nêu trên hay không; ngoài ý chí của bà K, ông Q, tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét ý kiến của các đồng sở hữu là 8 người con còn lại của bà K, đã buộc bà K, ông Q trả cho ông T 35% giá trị nhà, đất, tương đương 54.676.300.000 đồng là chưa đủ căn cứ. Vụ án có nhiều quan hệ tranh chấp, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hứa thưởng và hủy các quan hệ pháp luật còn lại nhưng vẫn tiếp tục duy trì, áp dụng biện pháp khẩn cấp, tạm thời đối với nhà đất nêu trên để đảm bảo thi hành phần nghĩa vụ của bà K, ông Q trả cho ông T 35% giá trị nhà đất, tương đương 54.676.300.000 đồng là không đúng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác.

3. Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án cần rút kinh nghiệm.

*** Về nội dung:**

Đối với vụ án nêu trên, “Hợp đồng hứa thưởng” ngày 03/01/2007 được ký tại Việt Nam và các văn bản còn lại: “Phụ lục hợp đồng” ngày 22/01/2008, “Bản cam kết” ngày 02/7/2008 và “Thỏa thuận hứa thưởng” ngày 28/11/2008 về việc tăng mức thưởng cho ông T là những tài liệu, chứng cứ quan trọng để làm cơ sở giải quyết vụ án. Bị đơn bà K chỉ thừa nhận ký “Hợp đồng hứa thưởng” ngày 03/01/2007, các văn bản sau đó do ông T xuất trình (Phụ lục hợp đồng ngày 22/01/2008, Bản cam kết ngày 02/07/2008 và Thỏa thuận hứa thưởng ngày 28/11/2008 có nội dung tăng thêm phần thưởng cho ông T lần lượt là 25%, 30% và 35%) đều được ký tại bang C, Hoa Kỳ và được Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng bang C, Hoa Kỳ chứng nhận cùng ngày là chưa đủ cơ sở pháp lý để được coi là chứng cứ vì không được hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Hoa Kỳ (Khoản 1, Điều 418 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2004). Bà K và ông Q không thừa nhận việc ký các thỏa thuận này. Lẽ ra, Tòa án cần xem xét, làm rõ có việc bà K, ông Q ký các giấy tờ nêu trên hay không, trong trường hợp cần thiết thì phải giám định chữ ký của bà K, ông Q để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Mặt khác, nhà đất nêu trên có nguồn gốc của vợ chồng bà Vương Thị K và ông Nguyễn Đắc A, ông A chết năm 2004 không để lại di chúc. Ông A, bà K có 9 con chung nhưng tại các thỏa thuận hứa thưởng chỉ có bà K và một người con là ông Q ký mà không có chữ ký hay ý kiến của 8 người con còn lại, đã làm thiệt hại đến quyền lợi của họ. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải hỏi ý kiến của 8 người con còn lại về việc trả thưởng cho ông T như thế nào để làm

căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét các nội dung nêu trên mà chỉ căn cứ vào “Thỏa thuận hứa thưởng” ngày 28/11/2008 được lập tại bang C, Hoa Kỳ để buộc bà K, ông Q trả cho ông T 35% giá trị nhà, đất, tương đương 54.676.300.000 đồng là không đúng (Khoản 1, Điều 418 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004).

*** Về tố tụng:**

Vụ án có nhiều quan hệ tranh chấp liên quan đến nhà, đất tại 446-448 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, quận M, tỉnh S nhưng Tòa án cấp phúc thẩm chỉ giải quyết phần hứa thưởng và hủy các quan hệ pháp luật còn lại của bản án sơ thẩm và quyết định tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp, tạm thời đối với nhà đất nêu trên để đảm bảo thi hành phần nghĩa vụ của bà K, ông Q trả cho ông T 35% giá trị nhà đất, tương đương 54.676.300.000 đồng là không đúng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Lẽ ra, trong vụ án này Tòa án phải giải quyết đồng thời các quan hệ tranh chấp trong cùng một vụ án và đối trừ nghĩa vụ giữa các đương sự thì mới đảm bảo quyền lợi của họ theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Trên đây là vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm trong việc giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng và các tranh chấp khác, Vụ 9 thông báo đến Viện kiểm sát các cấp tham khảo, vận dụng trong những trường hợp tương tự để nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để b/c);
- Đ/c Trần Công Phán - PVT (để b/c);
- Đ/c Thành - Phó Vụ trưởng (để lưu);
- 63 VKS tỉnh, TP trực thuộc TW;
- VP VKSTC, VC1, VC2, VC3;
- Lưu: VT (2b); Vụ 9 (3b).

(75b)

**TL.VIỆN TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ KIỂM SÁT VIỆC
GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ,
HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**



Nguyễn Tiến Thành